TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **21**/2023/HNGĐ - ST Ngày: 31/7/2023 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Ngọc Thanh

2. Ông Lê Minh Chiểu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký TAND huyện Yên Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trịnh Hữu C, sinh năm: 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn K, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn K, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 17/01/2023, bản tự khai ngày 21/4/2023 và quá trình giải quyết, nguyên đơn là anh Trịnh Hữu C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn do hai bên tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 16/11/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống H phúc được 16 năm, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Mỗi khi bàn bạc công việc vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã

được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng đã chính thức ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh C xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh làm đơn xin ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Tú O, sinh ngày 14/8/2003 và cháu Trịnh Hữu N, sinh ngày 20/02/2009. Cháu Trịnh Tú O đã đủ tuổi trưởng thành nên cháu ở với ai là tùy thuộc vào cháu. Cháu N khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị H. Vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng giao cháu N cho chị H nuôi và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bầy như sau*:

Về hôn nhân: Chị và anh Trịnh Hữu C kết hôn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Y, huyện Yên Định vào ngày 16/11/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận H phúc được 16 năm đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, hơn nữa anh C có bồ bịch, lăng nhăng bên ngoài không quan tâm đến vợ con, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã chính thức ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Nay anh C làm đơn xin ly hôn, chị không đồng ý ly hôn, thực chất vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nhưng chị chưa chấp nhận ly hôn bởi lý do chị chưa gặp trực tiếp được anh C để thống nhất về tài sản và con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Tú O, sinh ngày 14/8/2003 và cháu Trịnh Hữu N, sinh ngày 20/02/2009. Cháu Trịnh Tú O đã đủ tuổi trưởng thành nên cháu ở với ai là tùy thuộc vào cháu. Chị có nguyện vọng được nuôi cháu N và chị đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con của anh C là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa*: Chị H và anh C xin vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn thực hiện cơ bản đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án như sau:

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trịnh Hữu C, xử cho anh Trịnh Hữu C được ly hôn Nguyễn Thị H.

Về con chung: Giao cháu Trịnh Hữu N, sinh ngày 20/02/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh C có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị H không được ngăn cấm. Vì quyền lợi của các con hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung (nếu có) theo quy định.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

+ Kiến nghị khắc phục vi trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng:

1.1 Về thẩm quyền xét xử: Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý, giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa anh C và chị H là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về sự vắng mặt của đương sự: Anh C và chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh C là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Anh C và chị H đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2018. Trên cơ sở trình bày của đương sự và xác minh tại địa phương xác định Nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh C mong muốn ly hôn, chị H không muốn ly hôn. Theo tài liệu trong hồ sơ thể hiện: Anh C và chị H sống ly thân đã 5 năm năm, hai bên không quan tâm đến nhau. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Lý do chị H không muốn ly hôn do chị chưa gặp trực tiếp được anh C để thống nhất

về tài sản và con cái, chứ không phải đang còn tình cảm với anh C. Vợ chồng sống với nhau cốt ở tình cảm. Tuy nhiên, bản thân chị H cũng khẳng định không còn tình cảm với anh C. Do đó, lý do không muốn ly hôn của chị H đưa ra là không có căn cứ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX cho hai bên ly hôn là phù hợp.

2.2. Về con chung:

Anh C và chị H có 02 con chung là cháu Trịnh Tú O, sinh ngày 14/8/2003 và cháu Trịnh Hữu N, sinh ngày 20/02/2009. Cháu O đã đủ tuổi trưởng thành nên cháu ở với ai là tùy thuộc vào cháu. Chị H có nguyện vọng được nuôi cháu N, anh C cũng đồng ý để chị H nuôi cháu N. HĐXX xét thấy: Hai bên thống nhất ý chí về việc người trực tiếp nuôi con, hơn nữa cháu N cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy HĐXX chấp nhận giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/tháng. Chị H đồng ý với mức cấp dưỡng này. Vì vậy, HĐXX chấp nhận anh C cấp dưỡng nuôi con hằng tháng, mỗi tháng là 3.000.000đ. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 7/2023 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

2.3. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh C và chị H thống nhất thỏa thuận vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí:

Anh C khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm và anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện anh Trịnh Hữu C.

Về hôn nhân: Xử cho Anh Trịnh Hữu C được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Tú O, sinh ngày 14/8/2003 và cháu Trịnh Hữu N, sinh ngày 20/02/2009. Cháu O đã thành niên.

Giao cháu Trịnh Hữu N, sinh ngày 20/02/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng, mỗi tháng là 3.000.000đ. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 7/2023 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí:

- Anh Trịnh Hữu C phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà anh C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, theo Biên lai thu số AA/2022/0001398 ngày 18/4/2023. Chấp nhận anh C đã nộp đủ án phí ly hôn.

- Anh Trịnh Hữu C phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho anh C và chị H trong hạn 15 ngày, tính từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND xã Y;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Thắng